

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:05/2025/HS-ST

Ngày:16-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thêu và ông Bùi Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thanh- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 79/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1962; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Th, xã Ph, thành phố T, tỉnh T; nơi ở trước khi bị bắt: Xóm 10, phường 10, thành phố B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Phùng Thị T, sinh năm 1933; Có vợ là Tô Thị B, sinh năm 1959 (không đăng ký kết hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt truy nã và bị tạm giam từ ngày 21/3/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Ông Phùng Văn T (Phùng Minh T), sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn Th, xã Ph, thành phố Th, tỉnh Th.

- Ông Phùng Văn T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn T, xã P, thành phố T, tỉnh T.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1944; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Ph, thành phố T, tỉnh T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn Th, xã P, thành phố T, tỉnh T.

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn T, xã P, thành phố Th, tỉnh T.

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn T, xã P, thành phố T, tỉnh T.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn Th, xã P, thành phố T, tỉnh T.

- Anh Phạm Văn Nh, sinh năm 1955; nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh T.

(Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 15/5/1991, Nguyễn Đức T đến quán bán nước nhà anh Lại Văn C ở thôn Th, xã P, thành phố T thì thấy em trai là Nguyễn Ngọc A (tên gọi khác là C) đang đánh nhau với anh Cân và anh Phùng Văn T ở cùng thôn, vì vậy T chạy đến dùng tay chân đấm, đá anh T, anh T bỏ chạy về nhà nhặt một đoạn tre dài khoảng 50 cm quay lại đánh trả. A và T chạy về nhà A, sau đó T lấy một con dao mác bằng kim loại màu đen dài khoảng 60 cm cầm tại tay phải còn A cầm 01 gậy gỗ dài khoảng 01 mét chạy ra ngõ. Anh T chạy đuổi theo đến ngõ nhà A thấy T và A cầm dao gậy thì quay người bỏ chạy, T và A đuổi theo. Khi T cách anh T khoảng gần 01 mét thì dùng dao chém 02 phát trúng vào phía sau cánh tay phải của anh T, còn A thì cầm gậy vụt nhiều nhát vào người anh T, anh T bỏ chạy về nhà. Biết tin T bị đánh, anh Phùng Văn T là anh trai của T chạy đến sân nhà A để can ngăn thì bị A cầm tay ngang xe thò vụt nhiều nhát vào người, còn T thì dùng tay đấm đá anh T, sau đó T chạy vào nhà quăng 02 chiếc xe đạp và chiếc dùi quay bằng sắt hỏng ra sân rồi hô lên “Cướp” nhằm vu oan cho anh T. Lúc này chị Nguyễn Thị H (vợ của A) và Nguyễn Thị Hương (em ruột của A) có mặt cũng hô hoán là bị cướp, còn T và A tiếp tục đánh anh T. Khi có một số

người dân đến can ngăn, anh T bỏ chạy thì bị T đuổi theo giữ lại. A và anh trai là Nguyễn Văn N chạy đến hỗ trợ T kéo anh T vào trong sân. N và A giữ anh T để T dùng dây trói hai tay anh T về phía sau, sau đó kéo anh T vào trong nhà, chị H mở cửa buồng ngủ đưa anh T vào trong buồng để T và A tiếp tục đánh sau đó A khóa cửa buồng lại và giao cho H trông coi không cho anh T ra ngoài, còn A chạy ra sân rút rựa mái bếp vút ra sân châm lửa đốt và hô “cướp”. Trong thời gian anh T bị đánh, nhốt trong buồng thì Nguyễn Thị Cáp (vợ anh N) và Hương cầm đèn pin đi soi xung quanh nhà để canh coi.

Khoảng 20 giờ cùng ngày nhận được tin báo từ quần chúng nhân dân ông Nguyễn Văn T – là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân kiêm Trưởng Công an xã Phú Xuân cùng ông Phạm Văn Nhân là cán bộ đội Công an xã đến nhà A để giải quyết sự việc. Khi tới nơi ông T yêu cầu A và T thả anh T nhưng cả hai không chấp hành, A hai tay cầm hai con dao đi lại ở sân, T tay cầm gậy gỗ ngồi ở bậc thềm nhà và N đi lại trong nhà canh chừng, đồng thời T và A đe dọa nếu ai vào giải cứu anh T sẽ bị đánh, chém đồng thời yêu cầu lực lượng Công an phải lập biên bản việc anh T sang nhà A cướp phá. Thấy tình thế phức tạp, ông T cử ông Nhân ở lại còn ông T về báo cáo xin thêm lực lượng. Trong khi ông T đi báo cáo Công an thị xã Thái Bình xin tăng cường lực lượng để giải quyết vụ việc thì ông Nhân buộc phải lập biên bản theo yêu cầu của T và A để đưa anh T đi cấp cứu. Khi lực lượng Công an thị xã Thái Bình đến yêu cầu thả anh T thì A mới mở cửa để Công an giải cứu đưa anh T đi cấp cứu. Trong quá trình lực lượng Công an rút khỏi khu vực nhà A thì A chạy từ nhà ra cầm gạch ném vỡ đèn xe máy chuyên dụng của Cảnh sát và cầm gậy đuổi theo, lực lượng Công an phải nổ 03 phát súng cảnh cáo A mới quay về nhà. Lúc này trong nhà có ông Nguyễn Văn T đang đứng trước hiên nhà giải thích pháp luật thì bị A đẩy vào nhà ôm ngang người và vật ngã xuống nền nhà nói “Các ông đại diện chính quyền mà để chúng nó đến nhà cướp phá nhà tôi thế này” đồng thời cầm chiếc ghế nhỏ bằng gỗ (ghế mẫu giáo) ném vào đầu ông T, ông T bỏ chạy ra ngoài thì bị T chặn lại đẩy vào nhà dùng tay chân đấm, đá vào đầu, mặt làm ông T choáng váng ngã khụy xuống nền nhà ngất xỉu, sau đó T và A tiếp tục xóc náo ông T đưa ra cánh đồng thôn Thắng Cự. Khi ông T kêu cứu thì bị T và A dùng khủy tay thúc mạnh vào mạng sườn, dìm xuống ruộng nước rồi đưa đến khu vực nghĩa trang thôn Thắng Cự. T bảo A trông coi ông T còn T về nhà lấy giấy bút để ông T phải ký biên bản theo yêu cầu.

Trên đường quay về T sợ sẽ bị bắt nên đã bỏ trốn khỏi địa phương. A không thấy T quay lại đã đưa ông T vào nhà ông Phùng Văn Phán ở thôn Thắng Cự để hỏa táng cho ông T. Khi thay quần áo cho ông T, A thấy trong túi quần áo của ông T có số tiền 6.400 đồng và 01 đồng hồ Jaketa nam mạ vàng trị giá 70.000 đồng, 01 khóa số 8, A đã lấy số tài sản trên về nhà đưa cho H cất giấu. Ông T sau đó được ông Phán đưa đến trạm y tế xã Tân Bình rồi chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình cấp cứu điều trị. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày lực lượng Công an tiến hành bắt giữ A cùng Nguyễn Thị H.

Tại giấy khám nghiệm pháp y số 171/91- GĐPY ngày 06/7/1991 của Hội đồng Pháp y Sở Y tế Thái Bình đối với anh Phùng Văn T kết luận: 02 vết thương phần mềm sau trên cánh tay phải, (vết thương dài 7cm5x0,7; vết thương nhỏ 1cmx0,5), tỷ lệ thương tích 5%. Giấy chứng nhận pháp y số 171/91-FY ngày 08/7/1991 của Hội đồng Pháp y Sở Y tế Thái Bình đối với anh Phùng Minh T kết luận: Đa thương tích toàn thân do vậy tầy rã tác động, chấn thương mắt phải có xuất tiết, gai thị mắt phải mở ở xung quanh, thị lực mắt phải giảm còn 7/10, tỷ lệ thương tích 15%. Giấy khám nghiệm Pháp y số FY-171/91 ngày 22/6/1991 của Hội đồng pháp y Sở Y Tế Thái Bình đối với Nguyễn Đức T kết luận: Đa thương tích toàn thân do vật rắn gây nên, gãy xương bàn tay ngón 5 gây hạn chế vận động của bàn tay trái và ngón 5, gãy xương sườn 9 còn ảnh hưởng đau nhức đầu khi thời tiết thay đổi, tỷ lệ thương tích 22 %.

Ngày 16/5/1991 Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Bình đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn A về các tội “Cố ý gây thương tích, Chống người thi hành công vụ và Cướp tài sản của công dân” quy định tại các điểm a,c,d khoản 2 Điều 109; khoản 2 Điều 205 và khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự năm 1985; Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Cáp, Nguyễn Thị Hương về các tội “Cố ý gây thương tích, Chống người thi hành công vụ” quy định tại điểm a,c,d khoản 2 Điều 109 và khoản 2 Điều 205 Bộ luật hình sự năm 1985; Nguyễn Thị H về tội Chống người thi hành công vụ quy định tại khoản 1 Điều 205 Bộ luật hình sự năm 1985.

Ngày 20/10/1991, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình quyết định đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Cáp và Nguyễn Thị Hương. Tại Bản án hình sự số 356 ngày 23/3/1992, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối

cao đã xét xử đối với hành vi của các bị cáo Nguyễn A, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị H.

Đối với Nguyễn Đức T bỏ trốn tại địa phương, ngày 16/5/1991 Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Bình quyết định truy nã đối với T. Ngày 19/7/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình bắt giữ Nguyễn Đức T theo quyết định truy nã khi T đang ở tại Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Bản Cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 26/11/2024 truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985 và tội “Chống người thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trong bản Cáo trạng và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Chống người thi hành công vụ”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của 02 tội trên. Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, bị cáo rất ăn năn hối cải, bị cáo xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

Những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, xét thấy họ đã có đủ lời khai tại Cơ quan điều tra nên căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã xác định. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ như: Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang hồi 03 giờ ngày 16/5/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, thị xã Thái Bình; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường nhà ở Nguyễn A (Canh); Báo cáo sự việc ngày 2/5/1991 của ban công an xã Phú Xuân; Giấy khám nghiệm pháp y của hội đồng Pháp Y Sở Y tế Thái Bình số 171/91- GĐPY ngày 06/7/1991 đối với ông Phùng Văn T; số 171/91- FY ngày 08/7/1991 đối với ông Phùng Minh T; số 171/91- FY ngày 22/6/1991 đối với ông Nguyễn Đức T; Kết luận điều tra số 65 ngày 30/7/1991; Kết luận điều tra bổ sung số 80/PC16 ngày 16/9/1991 của Phòng Cảnh sát điều tra Công an Tỉnh Thái Bình; Cáo trạng số 59 ngày 20/01/1991 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình; Bản án hình sự sơ thẩm số 83 ngày 12/11/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình; Bản án hình sự số 356 ngày 23/3/1992 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 15/5/1991 tại khu vực quán bán nước nhà ông Lại Văn Cân ở thôn Thắng Cự, xã Phú Xuân, thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình), Nguyễn Đức T

cùng Nguyễn A (Canh) đã vô cớ dùng dao chém 02 phát vào sau cánh tay phải của ông Phùng Văn T, dùng gậy đánh và chân đá vào đầu, mặt và người ông T gây thương tích cho ông T là 5%. Ông Phùng Văn T đến can ngăn T cùng A tiếp tục bắt giữ ông T nhốt trong nhà, dùng gậy đánh và dùng chân tay đá vào đầu, mặt và người ông T gây thương tích cho ông T là 15%. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày ông Nguyễn Đức T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã kiêm Trưởng Công an xã Phú Xuân cùng lực lượng Công an xã Phú Xuân và Công an thị xã Thái Bình đến thực hiện nhiệm vụ yêu cầu thả ông T để đưa đi cấp cứu T và A cùng Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Cáp, Nguyễn Thị Hương và Nguyễn Thị H không chấp hành yêu cầu của cơ quan chức năng cầm gậy gỗ đe dọa lực lượng Công an yêu cầu cán bộ Công an phải lập biên bản với nội dung không đúng sự thật thì mới thả ông T. Sau đó, các đối tượng tiếp tục bắt giữ, đánh ông Nguyễn Văn T rồi dìu ông T xuống mương, làm ông T bị thương tích tỷ lệ 22%. Như vậy, T đã cùng A gây thương tích cho ông T, ông T và ông T với tổng tỷ lệ thương tích của 03 bị hại là 42%. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã bị khởi tố theo điểm a,c,d khoản 2 Điều 109 Bộ luật hình sự năm 1985. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01-HĐTP/NQ ngày 19/4/1989 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hành vi của bị cáo T phạm vào điểm a khoản 2 Điều 109 (gây thương tích nặng hoặc tổn hại nặng cho sức khỏe người khác). So sánh mức hình phạt thấy, khoản 2 Điều 109 Bộ luật hình sự năm 1985 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm, Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm. Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, cần áp dụng điểm c,d khoản 2 Điều 109 Bộ luật hình sự năm 1985 đối với bị cáo T.

Đối với hành vi chống người thi hành công vụ, bị cáo đã bị khởi tố theo khoản 2 Điều 205 Bộ luật hình sự năm 1985 (phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng), khung hình phạt từ 02 năm đến 10 năm. Tại khoản 2 Điều 330 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hậu quả nghiêm trọng là gây thiệt hại tài sản từ 50.000.000 đồng trở lên. Các tài liệu trong hồ sơ vụ án không thể hiện bị cáo gây thiệt hại tài sản là bao nhiêu, do đó bị cáo T chỉ phạm vào khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự năm 2015, có mức hình phạt là cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Vì vậy, căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, cần áp dụng khoản 1

Điều 330 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo T. Vì vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c,d khoản 2 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985 và tội “Chống người thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Điều luật quy định như sau:

Điều 109: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Bộ luật hình sự năm 1985, sửa đổi năm 1989)

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

... ..

c) Có Th chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;

d) Gây thương tích cho nhiều người hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người.

... ”

Điều 330. Tội chống người thi hành công vụ (Bộ luật hình sự năm 2015)

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

... ”

[4] Xét Th chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn tại địa phương trong thời gian dài, bị truy nã. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời là bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo được các

hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và hiện là người cao tuổi được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 83 ngày 12/11/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và bản án số 356 ngày 23/3/1992 của Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao. Những người bị hại ông Phùng Văn T, Phùng Văn T (Phùng Minh T), Phùng Văn T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với Nguyễn A, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Cáp, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị H cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo T đã được khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử tại bản án hình sự sơ thẩm số 83 ngày 12/11/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và bản án số 356 ngày 23/3/1992 của Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Về án phí: Bị cáo T là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Chống người thi hành công vụ”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c,d khoản 2 Điều 109 Bộ luật hình sự năm 1985; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 02 (hai) năm tù đối với tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 01 (một) năm tù đối với tội “Chống người thi hành công vụ”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (ba) năm tù, thời hạn tù Th từ ngày 21/3/2024.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đức T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 16/01/2025. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam;
- Bị hại;
- Bị cáo;
- NQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Ngô Thế Tương